TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/6/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**

2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**

* *Thư ký phiên tòa*: **Bà Phạm Thị Lan Phương.**

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*

Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị L,** sinh năm 1985

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Bùi Đức T**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2018; Bản tự khai ngày 04/5/2018; Biên bản hòa giải các ngày 10, 28/5/2018; Đơn đề nghị ngày 20/6/2018 chị Bùi Thị L nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Đức T kết hôn ngày 02/5/2009 do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T ham chơi, cờ bạc, nghiện ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đức T.

* *Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày

03/02/2010 và Bùi Đức D, sinh ngày 03/12/2012. Ly hôn chị xin nuôi con Bùi Đức D, anh T nuôi con Bùi Đức H, không bên nào phải dưỡng nuôi con. Đến ngày 31/5/2018 anh T bị bắt và bị tạm giam về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên ngày 20/6/2018 cháu Bùi Đức H có đơn đề nghị xin được ở với chị L vì lý do anh T bị bắt, chị L có đơn đồng ý theo nguyện vọng của cháu H, chị nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 2 con.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 10/5/2018 và Biên bản hòa giải ngày 10, 28/5/2018 anh Bùi Đức T là bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Bùi Thị L ngày 02/5/2009 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 8 năm. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vợ anh tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vì lý do anh có chơi bời, cờ bạc và nghiện ma túy. Chị L làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ gia đình.

* *Về con chung:* Anh và chị L có 02 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 03/02/2010 và Bùi Đức D, sinh ngày 03/12/2012. Tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2018 ly hôn anh xin nuôi con Bùi Đức H, chị L nuôi con Bùi Đức D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2018 anh đồng ý để chị L nuôi cả 2 con Bùi Đức H và Bùi Đức D. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 750.000đồng/01 con/01 tháng; hai con là 1.500.000đồng/02 con/01 tháng.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Đức T; Giao 02 con Bùi Đức H, sinh ngày 03/02/2010 và con Bùi Đức D, sinh ngày 03/12/2012 cho chị L nuôi dưỡng vì hiện nay anh T đang bị tạm giam không có điều kiện trông nom, chăm sóc con, chấp nhận việc chị L có đơn không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L và anh T không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thay đổi nơi cư trú và không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Do vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần một nên HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn ngày 02/5/2009 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng từ 4 đến 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị L

cho rằng do anh T ham chơi cờ bạc, nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh cũng thừa nhận lý do chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vì anh có chơi bời, nghiện ma túy. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho anh T một thời gian để đưa ra biện pháp vợ chồng quay về đoàn tụ, anh hứa trước Tòa và chị L anh sẽ cai nghiện ma túy để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên đến ngày 31/5/2018 anh bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Hưng khởi tố và hiện tạm giam về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng. Vì vậy việc anh T xin đoàn tụ không có kết quả, chị L vẫn giữ quan điểm cương quyết xin được ly hôn với anh Bùi Đức T.

Tại biên bản hòa giải; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T tại UBND xã Đ ngày 22/5/2018 đại diện Chính quyền địa phương cũng đề nghị Tòa án giải quyết động viên để chị L và anh T về đoàn tụ, nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần và khuyên bảo các đương sự suy nghĩ về hậu quả của việc ly hôn, nhưng các bên vẫn không thống nhất được quan điểm, do vậy việc đoàn tụ giữa chị L và anh T đều không thành, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L cương quyết xin được ly hôn với anh T cần được chấp nhận theo yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 03/02/2010 và Bùi Đức D, sinh ngày 03/12/2012. Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2018 anh T đồng ý để chị L nuôi cả 02 con và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 750.000đồng/01 con/01 tháng; hai con là 1.500.000đồng/02 con/01 tháng. Tại đơn đề nghị ngày 07/4/2018 cháu Bùi Đức H xin được ở với anh T, tuy nhiên hiện anh T đang bị khởi tố về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng nên ngày 20/6/2018 cháu Bùi Đức H có đơn đề nghị xin ở với chị L do hiện bố cháu (anh T) đang bị bắt và tạm giam, ngày 20/6/2018 chị L có đơn đề nghị nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện anh T đang bị tạm giam không có điều kiện kinh tế, khi nào cần thiết chị sẽ có yêu cầu. Vì vậy cần giao cả 02 con Bùi Đức H và Bùi Đức D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng cho các cháu. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị L và anh T không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoảng 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Đức T.

2. Về con chung: Xử giao chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi 02 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 03/02/2010 và Bùi Đức D, sinh ngày 03/12/2012 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức T không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0007609 ngày 04/5/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH